

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 25-7-2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ký.

2. Ông Đoàn Thân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: không.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Ông Ngô Sỹ T, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số nhà 11, đường H, t6, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 01/3/2016 bà H cho ông Ngô Sỹ T và bà Bùi Thị L vay số tiền là 55.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không có thỏa thuận về thời hạn và lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận bằng lời nói khi nào bà H cần sẽ trả. Từ ngày 01/3/2018, bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông T và bà L vẫn không trả. Đến ngày 28/12/2018 vợ chồng ông T và bà L trả cho bà H được 3.000.000 đồng vào tiền nợ gốc rồi sau đó không trả nữa. Nay bà H yêu cầu ông T và bà L phải trả cho bà H số tiền gốc vay còn lại là 52.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày 30/11/2018 là 55.000.000 đồng x 1% x 8 tháng = 4.400.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản khai ngày 04/01/2019 bị đơn là bà Bùi Thị L trình bày: Ngày 01/3/2016 vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 55.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền nhưng không ghi thời hạn trả nợ vì hai bên cho rằng khi nào bà H cần thì vợ chồng bà L sẽ trả. Vì lý do bà L bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo nên chưa có điều kiện trả nợ cho bà H được. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L phải trả số tiền đã vay là 55.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày

30/11/2018 là 55.000.000 đồng x 1% x 8 tháng = 4.400.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi trả hết nợ, bà L hoàn toàn đồng ý trả nợ cho bà H nhưng phải trừ đi số tiền 3.000.000 đồng bà đã trả cho bà H vào ngày 28/12/2018.

Tại bản khai ngày 04/01/2019 bị đơn là ông Ngô Sỹ T cũng trình bày: Ngày 01/3/2016 vợ chồng ông có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 55.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền nhưng không ghi thời hạn trả nợ vì hai bên cho rằng khi nào bà H cần thì vợ chồng ông T sẽ trả. Vì lý do vợ ông T bị ốm đau, mắc bệnh hiểm nghèo nên chưa có điều kiện trả nợ cho bà H được. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T phải trả số tiền đã vay là 55.000.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 01/3/2018 đến ngày 30/11/2018 là 55.000.000 đồng x 1% x 8 tháng = 4.400.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 cho đến khi trả hết nợ, ông T hoàn toàn đồng ý trả nợ cho bà H nhưng phải trừ đi số tiền 3.000.000 đồng ông bà đã trả cho bà H vào ngày 28/12/2018.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ tính lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 01/3/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm và lãi suất theo quy định của pháp luật đối với thời gian chậm trả sau khi xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Bùi Thị L và ông Ngô Sỹ T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên hoà giải nhưng vẫn không có mặt nên không tiến hành hoà giải được vụ án. Bà Bùi Thị L và ông Ngô Sỹ T cũng được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà L và ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Lời khai của bà H phù hợp với lời khai của bà Bùi Thị L và ông Ngô Sỹ T, phù hợp với giấy vay tiền mà bà H cung cấp cho Tòa án, đủ cơ sở khẳng định: Ngày 01/3/2016, bà Bùi Thị L và ông Ngô Sỹ T có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền là 55.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất trong giấy vay nhưng có thỏa thuận bằng lời nói khi nào bà H yêu cầu sẽ trả. Thời điểm bà H yêu cầu trả nợ được xác định là ngày 01/3/2018. Số tiền gốc bà L và ông T đã trả được cho bà H vào ngày 28/12/2018 là 3.000.000 đồng. Số tiền gốc vay còn lại là 52.000.000 đồng, bà L và ông T phải có trách nhiệm trả cho bà H.

Về lãi suất: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, bà H chỉ yêu cầu lãi suất 0,75%/1 tháng là phù hợp với quy định tại điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 và quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nên được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà L, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí, bà L vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Khoản 2, Điều 27; khoản 1, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 6; điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đã được thay đổi của bà Nguyễn Thị H. Buộc bà Bùi Thị L và ông Ngô Sỹ T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H các khoản:

- Số tiền nợ gốc vay còn lại chưa trả là 52.000.000 đồng.
- Tiền lãi phát sinh từ ngày 01/03/2018 đến ngày 28/12/2018 là: 55.000.000 đồng $\times 0,75\% \times 9$ tháng 27 ngày = 4.083.750 đồng.
- Tiền lãi phát sinh từ ngày 29/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/7/2019) là: 52.000.000 đồng $\times 0,75\% \times 6$ tháng 26 ngày = 2.678.000 đồng.

Tổng cộng, cả gốc và lãi là 58.761.750đ (*Năm mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi mốt nghìn bảy trăm năm mươi đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, bà L và ông T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án. Khoản tiền lãi chậm thi hành án được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 và được tính kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm.

2. Bà Bùi Thị L phải chịu 1.469.000đ (*Một triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ngô Sỹ T.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.485.000đ (*Một triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2017/0000292 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hà Trung.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(*Đã ký*)

Lê Văn Hồng